

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4420** /BNV-VKH

Hà Nội, ngày **21** tháng **10** năm 2014

V/v thống kê đội ngũ cán bộ,
công chức xã, phường, thị trấn và
những người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Thực hiện chương trình “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” quy định tại Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ tiến hành thực hiện thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên phạm vi cả nước.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Nội vụ làm đầu mối phối hợp thực hiện việc thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (theo 04 biểu mẫu thống kê kèm theo). Thời điểm thống kê được tính đến ngày 30/6/2014.

Biểu thống kê được gửi về Bộ Nội vụ (qua Viện Khoa học tổ chức nhà nước, 37A Nguyễn Bình Khiêm, Hai Bà Trưng, Hà Nội) trước ngày 15 tháng 12 năm 2014 để tổng hợp số liệu.

Trong quá trình thực hiện nếu cần trao đổi thông tin xin liên hệ TS. Tạ Ngọc Hải, điện thoại: 0912 770 774, Email: tangochai@moha.gov.vn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, VKH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

Tỉnh/TP trực thuộc TW:
 Số lượng: Xã ... Phường... Thị trấn.....

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ CẤP XÃ

(Biểu 01: Do Sở Nội vụ tổng hợp)

(Kèm theo Công văn số: 4420/BNV-VKH ngày 21/10/2014 của Bộ Nội vụ)

STT	Chức vụ	Số lượng	Chức danh kiêm nhiệm (nếu có)	Đảng viên	Giới tính (Nam)	Tôn giáo	Dân tộc thiểu số	Độ tuổi					Trình độ																	Thời gian đóng bảo hiểm		Ghi chú
													Văn hóa				Chuyên môn				Lý luận chính trị			Quản lý Hành chính NN		Ngoại ngữ		Tin học				
								Dưới 30	Từ 30- dưới 45	Từ 45 đến 55	Từ 55 đến 60	Trên 60	Tiểu học	TH CS	TH PT	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên Đại học	Sơ cấp chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao cấp	Đã qua bồi dưỡng	Chưa qua bồi dưỡng	Chính ghi	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ	Trung cấp trở lên	Từ 5- 10 năm	Trên 10 năm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư chi bộ nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã																															
2	Phó Bí thư hoặc Phó Bí thư Chi bộ nơi chưa thành lập Đảng ủy																															
3	Chủ tịch HĐND																															
4	Phó Chủ tịch HĐND																															
5	Chủ tịch UBND																															
6	Phó Chủ tịch UBND																															
7	Chủ tịch MTTQ																															
8	Bí thư Đoàn TN																															
9	Chủ tịch Hội Phụ nữ																															
10	Chủ tịch Hội Nông dân																															
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh																															
TỔNG:																																

Người lập biểu (điện thoại liên hệ)

Thủ trưởng cơ quan

*Ghi chú: Trong quá trình thống kê, mọi vướng mắc xin liên hệ ông Thạch Thọ Mộc, điện thoại: 0912 793 666.

- Bản mềm gửi về Bộ Nội vụ theo địa chỉ email: thachthomoc@moha.gov.vn

Tỉnh/TP trực thuộc TW:

Số lượng Xã... Phường... Thị trấn

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Biểu 02: Do Sở Nội vụ tổng hợp)

(Kèm theo Công văn số: 1420 /BNV-VKH ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

STT	Chức vụ, chức danh	Số lượng	Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (nếu có)	Đảng viên	Giới tính (nam)	Tôn giáo	Dân tộc thiểu số	Trình độ																								Ghi chú		
								Độ tuổi				Văn hóa			Chuyên môn				Lý luận chính trị			Quản lý hành chính NN		Ngoại ngữ			Tin học							
								Dưới 30	Từ 30 dưới 45	Từ 45-55	Trên 55	Tiểu học	THCS	THPT	Sơ cấp và chưa qua ĐT	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên Đại học	Sơ cấp, chưa qua ĐT	Trung cấp	Cao cấp	Chưa qua bồi dưỡng	Đã qua bồi dưỡng	Chứng chỉ			Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ				Trung cấp trở lên	
																									A	B	C		A	B	C			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
1	Trưởng Công an																																	
2	Chỉ huy trưởng Quân sự																																	
3	Văn phòng - Thống kê																																	
4.1	Địa chính - XD đô thị và MT (phường, thị trấn)																																	
4.2	Địa chính - Nông nghiệp - XD và môi trường (xã)																																	
5	Tài chính - Kế toán																																	
6	Tư pháp - Hộ tịch																																	
7	Văn hóa - Xã hội																																	
TỔNG:																																		

Người lập Biểu (điện thoại liên hệ)

Thủ trưởng cơ quan

*Ghi chú: - Trong quá trình thống kê, mọi trao đổi xin liên hệ ông Thạch Thọ Mộc, ĐT: 0912793666

- Bản mềm gửi về Bộ Nội vụ theo địa chỉ email: thachthomoc@moha.gov.vn

Tỉnh, TP trực thuộc TW:.....
 Quận, huyện, TX, TP thuộc tỉnh:.....
 Xã, phường, thị trấn:.....

BIỂU THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

(Biểu 03: Do Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê)

(Kèm theo Công văn số: 4412./BNV-VKH ngày 22.....tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

Diện tích xã:.....(ha), Số hộ gia đình:.....Tổng số nhân khẩu:.....

Loại đơn vị hành chính cấp xã:.....(ghi theo loại: I, II, III của Nghị định số 159/2005/NĐ-CP; và Phân loại theo QĐ số 552/QĐ-TTg 04/4/2013 về xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu...)

Đã thực hiện cơ chế khoán theo ND 29/2013/NĐ-CP hay chưa?:.....

STT	Các chức danh (Liệt kê đầy đủ các chức danh)	Cấp quy định chức danh (TW, tỉnh, huyện, xã)	Chức danh kiêm nhiệm (nếu có)	Số lượng	Mức phụ cấp và nguồn kinh phí/người				Phụ cấp kiêm nhiệm và nguồn kinh phí/người				Tổng phụ cấp (2->10)	Ghi chú
					TW	Tỉnh	Huyện	Xã	TW	Tỉnh	Huyện	Xã		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ														

Người lập biểu (diện thoại liên hệ)

Thủ trưởng cơ quan

Ghi chú:

- Cột D: Nếu chức danh cột B có nhiều người mà chỉ có một hoặc một số người có kiêm nhiệm chức danh tại cột D thì tách thành dòng riêng cùng chức danh cột B tiếp theo.
- Cột 2,3,4,5,6 7,8,9,10 ghi thống nhất hệ số (theo mức lương tối thiểu) hoặc theo khối lượng tiền cụ thể/l chức danh.
- Trong quá trình thống kê, mọi trao đổi xin liên hệ ông Thạch Thọ Mộc, ĐT: 0912793666
- Bản mềm xin gửi về Bộ Nội vụ theo địa chỉ email: thachthomoc@moha.gov.vn

Tỉnh, TP trực thuộc TW:.....
 Quận, huyện, TX, TP thuộc tỉnh:....
 Xã, phường, thị trấn:.....
 Số lượng thôn:.....
 Đã thực hiện cơ chế khoán theo ND 29/2013/ND-CP hay chưa?:.....

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TÒ DÂN PHỐ

(Biểu 04: Do Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê)

(Kèm theo Công văn số: 440 /BNV-VKH ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

STT	Các chức danh (Liệt kê đầy đủ các chức danh)	Cấp quy định chức danh (TW, tỉnh, huyện, xã)	Chức danh kiêm nhiệm (nếu có)	Số lượng	Mức phụ cấp và nguồn kinh phí/người				Phụ cấp kiêm nhiệm và nguồn kinh phí/người				Tổng phụ cấp (2->9)	Ghi chú
					TW	Tỉnh	Huyện	Xã	TW	Tỉnh	Huyện	Xã		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG SỐ:														

Người lập biểu (điện thoại liên hệ)

Thủ trưởng cơ quan

Ghi chú:

- Thôn, tổ dân phố: được hiểu theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (bao gồm thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc...; tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu...)
- Cột D: Nếu chức danh cột B có nhiều người mà chỉ có một hoặc một số người kiêm nhiệm tại cột D thì tách thành dòng riêng cùng chức danh của cột B tiếp theo.
- Cột 2,3,4,5,6,7,8,9 ghi thống nhất hệ số (theo mức lương tối thiểu) hoặc theo khối lượng tiền cụ thể/1 chức danh.
- Trong quá trình thống kê, mọi trao đổi xin liên hệ ông Thạch Thọ Mộc, ĐT: 0912793666
- Bản mềm xin gửi về Bộ Nội vụ theo địa chỉ email: thachthomoc@moha.gov.vn